TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Án số: **66**/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 27/ 10 /2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN TỈNH THÁI NGUYÊN
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Mai Thị Hồng Thái

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Tuấn Hưởng

2. Bà Hà Thị Dung

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Phan Thị Quyên – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TPTN: Ông Hoàng Mạnh Thái – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 27/ 10 /2017 tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Thái Nguyên xét xử sơ thẩm, công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm, thụ lý số 527/2017/TLST-HNGĐ ngày 07/ 8 /2017 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/QĐST-HNGĐ ngày 26/ 9 /2017 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn**: **Chị Dương Thị L**, sinh năm 1982;
Trú tại: xóm M C, xã H T, thị xã P Y, tỉnh Thái Nguyên;
(Có mặt tại phiên toà)

*** Bị đơn**: **Anh Nguyễn Thành C**, sinh năm 1974;
Trú tại: Tổ 29, phường P X, thành phố T H, tỉnh Thái Nguyên;
(Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai tại phiên toà, chị Dương Thị L trình bày: Chị kết hôn anh Nguyễn Thành C năm 2004 do hai bên tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H T, thị xã P Y, tỉnh Thái Nguyên. Quá trình chung sống vợ chồng chị không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng chị không có gì nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lý do chị xin ly hôn anh C là do anh C mắc nghiện ma tuý nhiều năm, không tu chí làm ăn, thường xuyên chửi bới đánh đập chị, biết anh C mắc nghiện chị đã động viên anh đi cai nghiện nhưng anh C không cai được, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn do vợ chồng không có con chung, không khí gia đình lúc nào cũng căng thẳng do anh C luôn kiếm cớ gây sự với chị. Chị đã sống ly thân anh C từ năm 2010 đến nay, cả hai không quan tâm chia sẻ với nhau những lo toan cuộc sống, đã từ lâu vợ chồng không còn quan tâm đến nhau và đã sống ly thân, có lần chị nói chuyện với anh C về việc không ở được với nhau thì ly hôn nhưng anh C thách đố chị. Hiện nay chị và anh C không ở cùng với nhau mà chị chuyển về P Y, Thái Nguyên sinh sống cùng bố mẹ chị. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn,chị xin được ly hôn anh C để ổn định cuộc sống. Khi ly hôn chị không yêu cầu Toà án giải quyết tài sản chung, nợ chung .

Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên thụ lý vụ án ly hôn, giao thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập cho anh C đến Toà án viết bản tự khai và tham gia tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải nhưng anh C không hợp tác giải quyết, Toà án giao trực tiếp cho chị Nguyễn Thanh H(chị gái Anh C) nhận thay và cam kết giao cho anh C. Toà án đã xác minh, với tổ trưởng tổ 26, phường P X, thành phố T H về việc anh C hiện vẫn có mặt tại địa phương, chưa cắt khẩu đi đâu, hiện anh C vẫn có mặt tại gia đình thuộc tổ 29, phường P X, thành phố T H.

Tòa án cùng chính quyền địa phương đến gia đình anh C tại tổ 29, phường P X, thành phố T H tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh C vẫn không đến Tòa để viết bản tự khai cũng như tham gia tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tòa án lập biên bản không hòa giải được theo quy định Điều 207 Bộ luật tố tụng 2015.

Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết công khai hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập phiên tòa lần 1, lần 2 cho anh C tại tổ dân phố và chính quyền địa phương và trụ sở Toà án để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Toà án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần để hòa giải cho chị L và anh C về đoàn tụ, nhưng anh C không đến Tòa, đến nay chị L vẫn giữ nguyên quan điểm của

mình là xin ly hôn anh C, anh C không hợp tác giải quyết vì vậy vụ kiện phải đưa ra xét xử công khai tại phiên toà hôm nay.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T H phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án, người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn đã vi phạm quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Chị Dương Thị L và anh Nguyễn Thành C kết hôn năm 2004, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H T, thị xã P Y, tỉnh T H là hôn nhân hợp pháp.

Mâu thuẫn vợ chồng bất đồng quan điểm sống, do anh C bị nghiện ma tuý nhiều năm nay,không tu chí làm ăn, thường xuyên cãi vã, chửi bới nhau, cả hai sống ly thân từ năm 2010 đến nay, chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử cho chị L được ly hôn anh C là phù hợp Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Về con chung: Không có.

Tài sản chung và nợ chung: chị L khai không có nhưng anh C không có lời khai về tài sản chung, nợ chung, các bên đương sự không xuất trình chứng cứ chứng minh tài sản chung, nợ chung nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết .

Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

+ Về tố tụng: Đây là vụ kiện tranh chấp Hôn nhân và gia đình được quy định tạo Điều 28, Điều 35 BLTTDS năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập phiên tòa cho anh C theo đúng quy định tại Điều 177 BLTTDS năm 2015. Tòa án triệu tập anh C đến phiên tòa công khai lần thứ 2 nhưng anh C vẫn vắng mặt không có lý do vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS xét xử vắng mặt anh C.

+ Về nội dung: - Đối với quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị L và anh Nguyễn Thành C kết hôn năm 2004, có đăng ký kết hôn tại UBND có đăng

ký kết hôn tại UBND xã H T, thị xã P Y, tỉnh Thái Nguyên là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Lý do chị Luân xin ly hôn anh C là do bất đồng quan điểm sống, đến đỉnh điểm từ năm 2010, do anh C mắc nghiện về nhà vô cớ chửi bới, đánh đập chị, chị đã sống ly thân anh C từ năm 2010, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì quan hệ hôn nhân sẽ không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên. Do đó chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị L, cho chị L được ly hôn anh C là phù hợp thực tế và Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

- Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên Tòa án không giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Toà án không lấy được lời khai anh C về việc vợ chồng có tài sản chung, nợ chung hay không và quan điểm của anh C đối với phần tài sản chung, nợ chung(nếu có) nên Toà án không xem xét giải quyết tài sản chung, nợ chung trong vụ án ly hôn này. Khi các đương sự có yêu cầu giải quyết tài sản chung, nợ chung thì khởi kiện bằng vụ kiện khác kèm theo các tài liệu chứng cứ để chứng minh.

- Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm vào Ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên, Hội đồng xét xử sơ thẩm Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên.

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 28, 35, 147, 227, Điều 271, 273, 278, 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, 56, 57 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hôi quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị Dương Thị L, cho chị L được ly hôn anh Nguyễn Thành C.

2. Về con chung: Vợ chồng không có con chung Tòa án không giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không giải quyết trong vụ án ly hôn này.

4. Về án phí: Chị L phải chịu 300.000đ tền án phí ly hôn sơ thẩm vào Ngân sách Nhà nước, được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang theo biên lai thu số **00054235 ngày 27/8/2017** của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Ngyên, tỉnh Thái Nguyên.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh C vắng mặt kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc được niêm yết tại địa phương. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 15 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày Toà tuyên bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSND TPTN;
- THADS TPTN;
- UBND nơi ĐKKH;
(xã H T,P Y, TN);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; VT, BP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Mai Thị Hồng Thái

HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Hồng Thái

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND TPTN;
- THADS TPTN;
- UBND nơi ĐKKH;
(xã Hồng Tiến,Phổ Yên, TN);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; VT, BP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Mai Thị Hồng Thái